

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2024/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2024

(Dự thảo lần 2)

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào
dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số
31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số
29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6
năm 2024;
Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc thông qua chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng
bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra của
Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh
tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này Quy định chính sách hỗ trợ đất đai đối với cộng đồng đồng
bào dân tộc thiểu số, cá nhân là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn
tỉnh Đắk Lắk quy định tại Điều 16 Luật Đất đai năm 2024.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai; các tổ
chức, đơn vị có liên quan.

2. Cộng đồng đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số thuộc trường hợp chưa có đất ở, không còn hoặc thiếu đất ở; chưa có đất nông nghiệp, không còn đất nông nghiệp hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% so với hạn mức giao đất nông nghiệp; có nhu cầu thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất kinh doanh.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Đối tượng thụ hưởng chính sách này đúng quy định tại Điều 16 Luật Đất đai năm 2024.

2. Việc hỗ trợ đất đai bảo đảm phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa và điều kiện thực tế của từng vùng.

3. Trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất thực hiện chính sách này theo quy định của pháp luật đất đai.

4. Giao đất ở, chuyển mục đích sử dụng sang đất ở trong hạn mức được miễn, giảm tiền sử dụng đất và bảo đảm đồng bộ kết cấu hạ tầng; giao đất nông nghiệp trong hạn mức, giao đất sinh hoạt cộng đồng không thu tiền sử dụng đất.

5. Diện tích giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo Nghị quyết này được tính cho tổng diện tích đất được Nhà nước giao, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trong quá trình thực hiện các chính sách về đất đai đối với cá nhân là đồng bào dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

6. Bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng; cá nhân, cộng đồng đồng bào dân tộc thiểu số được hỗ trợ đất đai phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất đúng theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nội dung chính sách

1. Hỗ trợ đất sinh hoạt cộng đồng

Giao đất sinh hoạt cộng đồng đến từng thôn, buôn tại nơi chưa có đất sinh hoạt cộng đồng.

Hạn mức giao đất sinh hoạt cộng đồng:

- Các phường, thị trấn thuộc các huyện, thị xã, thành phố: không quá 500m²/cộng đồng.
- Các xã thuộc các huyện, thị xã, thành phố: không quá 1.000m²/cộng đồng.

2. Hỗ trợ đất ở

a) Hỗ trợ lần đầu (theo Khoản 2 Điều 16 Luật Đất đai năm 2024):

Trường hợp không có đất ở thì được giao đất ở trong hạn mức hoặc được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở, được công nhận quyền sử dụng đất trong hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể:

Hạn mức giao đất ở, chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở, được công nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân 01 (một) thửa đất như sau:

- + Đối với các xã: Không quá 400 m².

+ Đối với các phường, thị trấn: Không quá 300 m².

b) Giao tiếp đất ở (theo Khoản 3 Điều 16 Luật Đất đai năm 2024; Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ)

Trường hợp đã được giao đất ở theo các chính sách giải quyết đất ở của Nhà nước qua các thời kỳ nhưng nay không còn hoặc thiếu đất ở (diện tích đất ở thực tế đang sử dụng nhỏ hơn diện tích tối thiểu được phép tách thửa quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh: tại nông thôn là 60m², tại đô thị là 40m²) thì được giao tiếp đất ở hoặc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở theo quy định nhưng không vượt quá hạn mức sau đây:

+ Đối với các xã: Không quá 200 m².

+ Đối với các phường, thị trấn: Không quá 150 m².

3. Hỗ trợ đất nông nghiệp

a) Hỗ trợ lần đầu (theo Khoản 2 Điều 16 Luật Đất đai năm 2024):

Trường hợp không có đất nông nghiệp thì được giao đất nông nghiệp trong hạn mức giao đất nông nghiệp theo quy định, cụ thể:

Hạn mức giao đất nông nghiệp cho cá nhân 01 (một) thửa đất như sau:

+ Đất trồng cây hàng năm, nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác: Không quá 02 ha đối với mỗi loại đất.

+ Đất trồng cây lâu năm: Không quá 01 ha.

+ Đất lâm nghiệp được quy hoạch là đất trồng rừng sản xuất, rừng phòng hộ: Không quá 10 ha đối với mỗi loại đất.

b) Giao tiếp đất nông nghiệp (theo Khoản 3 Điều 16 Luật Đất đai năm 2024; Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ)

Trường hợp đã được Nhà nước giao đất nông nghiệp theo các chính sách giải quyết đất nông nghiệp của Nhà nước qua các thời kỳ nhưng nay *không còn đất nông nghiệp hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% diện tích đất so với* hạn mức đã được giao đất nông nghiệp theo các chính sách của Nhà nước qua các thời kỳ và theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết này thì được giao tiếp đất nông nghiệp nhưng không vượt quá hạn mức quy định sau đây:

+ Đất trồng cây hàng năm, nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác: Không quá 01 ha đối với mỗi loại đất.

+ Đất trồng cây lâu năm: Không quá 0,5 ha.

+ Đất lâm nghiệp được quy hoạch là đất trồng rừng sản xuất, rừng phòng hộ: Không quá 05 ha đối với mỗi loại đất.

4. Hỗ trợ thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh

Cho thuê đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh và được miễn, giảm tiền thuê đất. Hạn mức cho thuê đất không quá 01 ha.

Điều 5. Nguồn lực thực hiện chính sách

1. Quỹ đất để thực hiện chính sách này theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Đất đai năm 2024.

2. Kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 16 Luật Đất đai và khoản 3 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

3. Hàng năm, ngoài nguồn kinh phí từ ngân sách Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ động cân đối ngân sách tại địa phương để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định bố trí kinh phí thực hiện chính sách này theo quy định của pháp luật.

4. Khuyến khích Ủy ban nhân dân các cấp huy động nguồn lực xã hội hóa, nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để bổ sung nguồn lực thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

Trường hợp cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này đã được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án hỗ trợ về đất ở, đất nông nghiệp trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được Cơ quan có thẩm quyền thực hiện giao đất ở, đất nông nghiệp thì thực hiện theo phương án hỗ trợ đã được phê duyệt; trường hợp đối tượng quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này có nhu cầu thực hiện chính sách hỗ trợ về đất đai tại Nghị quyết này thì được hỗ trợ về đất đai theo chính sách của Nghị quyết này.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức chỉ đạo thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày tháng.... năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh,
- UBMTTQVN tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ngành thuộc tỉnh;
- TT. HĐND huyện, TX, TP;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Đài PT-TH, Báo Đắk Lắk;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH

